

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục thuốc cỏ truyền được gia hạn
giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 17**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ Y, DƯỢC CỎ TRUYỀN

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược ngày 21 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/06/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược;

Căn cứ Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cỏ truyền, vị thuốc cỏ truyền, dược liệu;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-BYT ngày 27/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Y, Dược cỏ truyền thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Bộ Y tế - Đợt 17;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Dược cỏ truyền - Cục Quản lý Y, Dược cỏ truyền.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các thuốc cỏ truyền được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 17. Các thuốc cỏ truyền tại Danh mục này được giữ nguyên thông tin số đăng ký đã cấp, cụ thể:

1. Danh mục 32 thuốc cỏ truyền được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam (tại Phụ lục I kèm theo) có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

2. Danh mục 42 thuốc cỏ truyền được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam (tại Phụ lục II kèm theo) có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc cổ truyền kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại Điều 31, 32, 33, 34, 35 và 36 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc cổ truyền theo quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BYT ngày 01/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quản lý về chất lượng thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu.

4. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng theo quy định của Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính (bao gồm cả mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc) phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

6. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu và Thông tư số 54/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều về gia hạn giấy đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu tại Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu.

7. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 29/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, vị thuốc cổ truyền, dược liệu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

8. Cơ sở sản xuất phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Đ/c Vũ Mạnh Hà – TTr Thường trực BYT (để b/c);
- Đ/c Trịnh Thị Diệu Thường – PCT.PT Cục Quản lý YDCT (để b/c);
- PGS.TS.Nguyễn Đăng Hòa – Chủ tịch HĐTV cấp GĐKLH thuốc, NLLT – Bộ Y tế (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Xây dựng;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Vụ Bảo hiểm Y tế; Cục QLD, Cục QLKCB; Văn phòng HĐTV cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty cổ phần;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Website của Cục Quản lý YDCT;
- Lưu: VT, QLD (4b).

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Đăng Lâm

PHỤ LỤC I

**DANH MỤC 32 THUỐC CỔ TRUYỀN ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM – ĐỢT 17**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3.45/QĐ-YDCT ngày 13/11/2025)

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt

(Đ/c: Số 124, đường Trường Chinh, phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nay là: Số 124, đường Trường Chinh, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình)

1.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hoa Việt

(Đ/c: Lô C9, khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nay là: Lô C9, KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
1	PHONG TÊ THẤP	Mỗi viên nang cứng chứa Cao đặc hỗn hợp 615 mg tương đương dược liệu 10,5 g gồm: Hy thiêm (<i>Herba Siegesbeckiae</i>) 10,0 g; Thiên niên kiện (<i>Rhizoma Homalomenae occultae</i>) 0,5 g.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 túi, 2 túi, 3 túi x 3 vỉ x 10 viên.	VD-27357-17	01
2	Bổ thận âm	Mỗi viên nang cứng chứa Cao đặc hỗn hợp 550 mg (tương đương dược liệu 4,40 g gồm: Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 1,408 g; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 0,704 g; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 0,704 g; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 0,528 g; Phục linh (<i>Poria</i>) 0,528 g; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 0,528 g).	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên. Hộp 1 túi nhôm, 2 túi nhôm x 3 vỉ x 10 viên.	VD-31703-19	01

2. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng

(Đ/c: Số 96-98 Nguyễn Viết Xuân, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Nay là: 96-98 Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội)

2.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông dược Phúc Hưng

(Đ/c: Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Nay là: Cụm công nghiệp Thanh Oai, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
3	Điều kinh P/H	Mỗi 100 ml cao lỏng chứa Ích mẫu (<i>Herba Leonuri japonici</i>) 60 g; Ngải cứu (<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>) 15 g; Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) 20 g.	Cao lỏng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 100 ml, 250 ml.	VD-21046-14	01

3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex

(Đ/c: Số 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Nay là: Số 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội)

3.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex

(Đ/c: Số 356 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Nay là: Số 356 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
4	Bình vị Medifiz	Mỗi viên nang cứng chứa Cao lỏng hỗn hợp dược liệu 100,0 mg (tương đương: Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 317,5 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 238,1 mg; Diên hồ sách (<i>Tuber Corydalis</i>) 158,7 mg); Cao khô Cam thảo 55,0 mg (tương đương Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 317,5 mg); Bạch cập (bột) (<i>Rhizoma Bletillae striatae</i>) 238,1 mg; Tam thất (bột) (<i>Radix Panasis Notoginseng</i>) 9,9 mg; Ô tặc cốt (bột) (<i>Radix Panasis Notoginseng</i>) 31,7 mg; Cao khô Belladonna 2,1 mg (tương đương <i>Belladonnae Herb</i> 42 mg).	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên (vỉ PVC/nhôm). Hộp 1 lọ x 60 viên, 120 viên (lọ nhựa).	VD-30963-18	

4. Công ty đăng ký: Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương

(Đ/c: Thôn Thắng Đầu, Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội, Nay là: Thôn Thắng Đầu, xã Phú Cát, thành phố Hà Nội)

4.1. Nhà sản xuất: Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương

(Đ/c: Thôn Thắng Đầu, Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội, Nay là: Thôn Thắng Đầu, xã Phú Cát, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
-----	-----------	------------------------------	--------------	----------	------------	-------------------	------------	----------------

5	Thuốc ho thảo dược NTP	Mỗi 120 ml cao lỏng chứa các dịch chiết được từ các dược liệu tương ứng: Bách bộ (<i>Radix Stemona</i>) 25,0 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis</i>) 50,0 g; Thiên môn đông (<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>) 50,0 g; Tang bạch bì (<i>Cortex Mori albae radices</i>) 25,0 g.	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 90 ml, 120 ml.	V153-H06-19	01
6	Hoạt huyết thông mạch	Mỗi 120 ml cao lỏng được chiết xuất từ các dược liệu: Đào nhân (<i>Semen Persicae</i>) 30 g; Hồng hoa (<i>Flos Carthami</i>) 30 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 36 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 30 g; Xích thược (<i>Radix Paeoniae rubra</i>) 30 g; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae</i>) 36 g; Chỉ xác (<i>Fructus Aurantii</i>) 30 g; Sài hồ bắc (<i>Radix Bupleuri</i>) 30 g; Cát cánh (<i>Radix Platycodi</i>) 18 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 9 g.	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 120 ml.	V63-H12-16	01

5. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long

(Đ/c: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh)

5.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long

(Đ/c: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
7	Tiêm Long	Mỗi gói 4 g hoàn cứng chứa: Hoàng đằng (<i>Caulis et Radix Fibraureae</i>) 0,56 g; Ô dược (<i>Radix Linderae</i>) 0,56 g; Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>) 0,56 g; Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>) 0,4 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 0,4 g; Hoa hòe (<i>Flos Styphnolobii japonici imaturi</i>) 0,4 g; Chi tử (<i>Fructus Gardeniae</i>) 0,32 g; Chỉ xác (<i>Fructus Aurantii</i>) 0,32 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,24 g.	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x 4 g.	VD-29446-18	01

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái

(Đ/c: Số 725, đường Yên Ninh, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Nay là: Số 725 đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai)

6.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái

(Đ/c: Số 725, đường Yên Ninh, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Nay là: Số 725 đường Yên Ninh, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
8	Phugia	Mỗi viên nang cứng chứa: Cao khô hỗn hợp 220 mg (tương đương với các dược liệu: Can khương (<i>Rhizoma Zingiberis</i>) 0,05 g; Mạch nha (<i>Fructus Hordei germinatus</i>) 0,1 g; Phục linh (<i>Poria</i>) 0,1 g; Bán hạ chế (<i>Rhizoma Pinelliae</i>) 0,15 g; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 0,15 g; Hậu phác (<i>Cortex Magnoliae officinalis</i>) 0,2 g; Chỉ thực (<i>Fructus Auratii immaturus</i>) 0,3 g; Ngô thù du (<i>Fructus Evodiae rutaecarpae</i>) 0,25 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,1 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 0,1 g.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 05 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-30956-18	01

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)

(Đ/c: Đường số 5, khu công nghiệp Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Nay là: Đường số 5, khu công nghiệp Hòa Bình, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh)

7.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)

(Đ/c: Đường số 5, khu công nghiệp Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An, Nay là: Đường số 5, khu công nghiệp Hòa Bình, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
9	Bổ thận âm đông dược việt	Mỗi viên nang cứng chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 500 mg (tương đương dược liệu 1750 mg, bao gồm: Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 560 mg; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 280 mg; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 280 mg; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>) 210 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 210 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 210 mg).	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai x 30 viên, 50 viên, 60 viên, 100 viên.	VD-31244-18	01

10	Panaxanti	Mỗi viên nang cứng chứa Cao đặc toàn phần 500 mg (tương đương dược liệu 2,210 mg, bao gồm: Sài hồ (<i>Radix Bupleuri</i>) 260 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 260 mg; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 130 mg; Tiền hồ (<i>Radix Peucedani</i>) 260 mg; Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>) 260 mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 195 mg; Chỉ xác (<i>Fructus Aurantii</i>) 195 mg; Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>) 260 mg; Khương hoạt (<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>) 260 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 130 mg).	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai x 30 viên, 50 viên, 60 viên.	VD-31249-18	01
11	BỒ HUYẾT ĐIỀU KINH ĐÔNG DƯỢC VIỆT	Mỗi viên nang cứng chứa cao đặc hỗn hợp dược liệu 500 mg tương đương 2160 mg dược liệu: Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali</i>) 240 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 80 mg; Sinh khương (<i>Rhizoma Zingiberis recens</i>) 40 mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 240 mg; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 120 mg; Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae Chinensis</i>) 80 mg; Đại táo (<i>Fructus jujubae</i>) 240 mg; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 240 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 160 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis</i>) 240 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 160 mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae Alba</i>) 160 mg; Quế (vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 40 mg; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 120 mg.	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai x 30 viên, 50 viên, 60 viên, 100 viên.	VD-32656-19	01
12	TIÊU BAN GIẢI ĐỘC ĐÔNG DƯỢC VIỆT	Mỗi 10 ml chứa cao lỏng hỗn hợp dược liệu 5,7 ml tương đương 5700 mg dược liệu, bao gồm: Huyền sâm (<i>Radix Scrophulariae</i>) 1200 mg; Địa hoàng (<i>Radix Rhemanniae glutinosae</i>) 900 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 900 mg; Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>) 900 mg; Ké đầu ngựa (<i>Fructus Xanthii strumarii</i>)	Dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 10 ống, 15 ống x 10 ml. Hộp 1 chai x 100 ml.	VD-33194-19	01

		900 mg; Hạ khô thảo (<i>Spica Prunellae</i>) 900 mg.						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

8. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Reliv

(Đ/c: Khu A, số 18, đường Lê Thị Sọc, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Khu A, số 18, đường Lê Thị Sọc, ấp 2A, xã Phú Hòa Đông, thành phố Hồ Chí Minh)

8.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Reliv

(Đ/c: Khu A, số 18, đường Lê Thị Sọc, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Khu A, số 18, đường Lê Thị Sọc, ấp 2A, xã Phú Hòa Đông, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
13	Đại tân giao Reliv	Mỗi viên nén bao phim chứa 50 mg cao khô toàn phần chiết được từ 346,5 mg các dược liệu khô sau: Tân giao (<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>) 39,6 g; Thạch cao (<i>Gypsum fibrosum</i>) 39,6 g; Khương hoạt (<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>) 19,8 g; Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 19,8 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 19,8 g; Tế tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>) 9,9 g; Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>) 19,8 g; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 19,8 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 19,8 g; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 19,8 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 19,8 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 19,8 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 19,8 g; Phục linh (<i>Poria</i>) 19,8 g; Hoàng cầm (<i>Radix Scutellariae</i>) 19,8 g; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 19,8 g.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 4 vỉ x 25 viên (vỉ nhôm - PVC). Hộp 1 chai x 100 viên (chai nhựa HDPE). Hộp 1 chai 100 viên (chai thủy tinh màu nâu).	VD-26053-17	01

9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3

(Đ/c: Số 16 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Nay là: Số 16 Lê Đại Hành, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng)

9.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3

(Đ/c: Số 28, đường 351, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Nay là: Số 28, đường 351, phường An Dương, thành phố Hải Phòng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
14	Độc hoạt tang ký sinh TW3	Mỗi viên nang cứng chứa: Bột kép hỗn hợp dược liệu 240 mg (tương đương: Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 80 mg; Tế tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>) 80 mg; Bạch linh (<i>Poria</i>) 80 mg); Cao đặc hỗn hợp dược liệu 458 mg (tương đương: Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>) 120 mg; Tần giao (<i>Radix Gentianae</i>) 80 mg; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 80 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 80 mg; Ngưu tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>) 80 mg; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 80 mg; Quế (vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 80 mg; Tang ký sinh (<i>Herba Loranthis paracitici</i>) 80 mg; Sinh địa (<i>Radix Rhemanniae glutinosae</i>) 80 mg; Đảng sâm Việt Nam (<i>Radix Codonopsis javanicae</i>) 80 mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 80 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 80 mg).	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai x 30 viên, 60 viên.	VD-32645-19	01
15	Ích tràng kháng TW3	Mỗi viên nang cứng chứa: Liên nhục (<i>Semen Nelumbinis nuciferae</i>) 100 mg; Ý dĩ (<i>Semen Coicis</i>) 100 mg; Sa nhân (<i>Fructus Amomi</i>) 100 mg; Bạch linh (<i>Poria</i>) 50 mg; Cao đặc hỗn hợp dược liệu 270 mg (tương đương Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis Javanicae</i>) 200 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 200 mg; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 200 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 200 mg; Bạch linh (<i>Poria</i>) 150 mg; Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>) 100 mg; Bạch biển đầu (<i>Semen Lablab</i>) 100 mg).	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên.	VD-33579-19	01

10. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
(Đ/c: 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
Nay là: Số 160, phố Tôn Đức Thắng, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội)

10.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco
(Đ/c: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Nay là: Thôn Thạch Lỗi, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
16	Bogan Trung ương 1	Mỗi viên nang cứng chứa: Cao khô Actiso 100 mg tương đương với 2500 mg lá tươi Actiso (<i>Folium Cynarae scolymi</i>); Cao khô Bìm bìm biếc 8,5 mg tương đương với 85 mg hạt Bìm bìm biếc (<i>Semen Pharbitidis</i>) ; Cao khô Rau đắng đất 81,5 mg tương đương với 500 mg Rau đắng đất (<i>Herba Glini oppositifolii</i>); Cao khô Diệp hạ châu 50 mg tương đương với 400 mg Diệp hạ châu (<i>Herba Phyllanthi urinarie</i>).	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ (vỉ nhôm - PVC) x 10 viên.	VD-33585-19	01

11. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
(Đ/c: Số 93 Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Nay là: Số 93 Linh Lang, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội)

11.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ
(Đ/c: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ, Lô M1, đường N3, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Nay là: Lô M1, đường N3, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
17	Cảm Mạo Thông	Mỗi viên nén bao phim chứa: Bột Hoắc hương 176 mg (tương đương với 210 mg Hoắc hương (<i>Herba Pogostemonis</i>)); Bột lá Tía tô 148 mg (tương đương với 175 mg Tía tô (lá) (<i>Folium Perillae frutescens</i>)); Cao khô dược liệu 315 mg (tương đương với 1191 mg dược liệu bao gồm: Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 140 mg; Bạch linh (<i>Poria</i>) 175 mg; Đại phúc bì (<i>Pericarpium Arecae catechi</i>) 175 mg; Thương truật (<i>Rhizoma Atractylodis</i>) 175 mg; Hậu phác (<i>Cortex Magnoliae officinalis</i>) 140 mg; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 105 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma</i>	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 12 viên. Hộp 1 lọ x 50 viên.	VD-32921-19	01

		Glycyrrhizae) 53 mg; Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>) 88 mg; Bán hạ (bắc)(chế) (<i>Rhizoma Pinelliae</i>) 105 mg; Can khương (<i>Rhizoma Zingiberis</i>) 35 mg).						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

12. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Nam Dược

(Đ/c: Lô M13 (C4-9), KCN Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Nay là: Lô M13 (C4-9) - Khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình)

12.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH Nam Dược

(Đ/c: Lô M13 (C4-9), KCN Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Nay là: Lô M13 (C4-9) - Khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
18	Nam dược lục vị ẩm	Mỗi 100 ml cao lỏng chứa các chất chiết được từ dược liệu tương đương: Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 32 g; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 16 g; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 16 g; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>) 12 g; Phục linh (<i>Poria</i>) 12 g; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 12 g.	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 100 ml, 125 ml.	VD-32733-19	01

13. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

(Đ/c: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Nay là: Số 102, phố Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

13.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

(Đ/c: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Nay là: Số 102, phố Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
19	Bát vị	Mỗi viên chứa: Cao khô hỗn hợp A 400 mg (tương đương 1518 mg dược liệu gồm: Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 528 mg; Hắc phụ tử (<i>Radix Aconiti lateradis</i>) 66 mg; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 264 mg; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 198 mg; Hoài sơn (<i>Tuber</i>	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.	VD-33688-19	01

		<i>Dioscoreae persimilis</i>) 264 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 198 mg); Cao đặc hỗn hợp B 13 mg (tương đương 264 mg dược liệu gồm: Quế chi (<i>Ramulus Cinnamomi</i>) 66 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 198 mg).						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

13.2 Nhà sản xuất: Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

(Đ/c: Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Nay là: Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

20	Thuốc uống lục vị	Mỗi 5 ml cao lỏng chứa: Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 1,6 g; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 0,8 g; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 0,8 g; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>) 0,6 g; Phục linh (<i>Poria</i>) 0,6 g; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 0,6 g.	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ x 5 ống 5 ml. Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 4 vỉ x 5 ống 10 ml. Hộp 1 chai x 100 ml.	VD-32986-19	01
21	Siro Quy tỷ Hà Minh	Mỗi 120 ml siro chứa: Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 4,34 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 8,68 g; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) chế 8,68 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) chích mật 2,17 g; Phục linh (<i>Poria</i>) 8,68 g; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) chế 0,87 g; Toan táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>) 8,68 g; Long nhãn (<i>Arillus Longan</i>) 8,68 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 0,87 g; Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>) 4,34 g; Đại táo (<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>) bỏ hạt 2,17 g.	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 120 ml kèm cốc đong.	VD-33711-19	01
22	Bát trân Hà Minh	Mỗi 100 ml siro chứa: Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 6 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) chế rượu 6 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) sao 6 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 6 g; Bạch linh (<i>Poria</i>) 6 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 6 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 3 g; Thục	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 100 ml, 120 ml.	VD-33705-19	01

		địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 6 g.						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam

(Đ/c: Số 34, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nay là: Số 34, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình)

14.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam

(Đ/c: KCN Châu Sơn, đường Lê Chân, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nay là: KCN Châu Sơn, đường Lê Chân, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
23	Hoàn lục vị	Mỗi gói 5 g hoàn cứng chứa: Thực địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 1,3 g; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 0,6 g; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 0,6 g; Bạch linh (<i>Poria</i>) 0,4 g; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 0,4 g; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 0,4 g.	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 5 g. Hộp 1 lọ x 50 g.	VD-32817-19	01

15. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm PQA

(Đ/c: Thửa 99, khu Đồng Quàn, đường 10, xã Tân Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, Nay là: Thửa 99, khu Đồng Quàn, đường 10, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình)

15.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm PQA

(Đ/c: Thửa 99, khu Đồng Quàn, đường 10, xã Tân Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, Nay là: Thửa 99, khu Đồng Quàn, đường 10, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
24	PQA Sinh khí	Mỗi gói 4 g hoàn cứng chứa Cao khô hỗn hợp dược liệu 2,5 g tương đương với các dược liệu: Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 2,67 g; Sài hồ (<i>Radix Bupleuri chinensis</i>) 2,00 g; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 4,00 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 2,67 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 2,00 g; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali</i>	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 15 gói, 20 gói, 25 gói, 50 gói x 4 g.	VD-32300-19	01

		<i>membranacei</i>) 4,00 g; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 1,33 g; Thăng ma (<i>Rhizoma Cimicifugae</i>) 2,00 g.						
25	PQA Lục vị địa hoàng	Mỗi 5 ml cao lỏng chứa cao hỗn hợp dược liệu (3:1) 4,17 g tương đương: Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 4,0 g; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 2,0 g; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 2,0 g; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 1,5 g; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 1,5 g; Bạch linh (<i>Poria</i>) 1,5 g.	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai + 1 cốc đong x 30 ml, 60 ml, 90 ml, 100 ml, 125 ml, 250 ml (chai nhựa). Hộp 10 ống, 15 ống, 20 ống, 25 ống, 50 ống x 5 ml, 10 ml (ống nhựa).	VD-33518-19	01
26	PQA Bát trân	Mỗi 10 ml cao lỏng chứa cao hỗn hợp dược liệu (2,5:1) 8,53 g tương đương: Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 3,33 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 1,67 g; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 5,00 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 2,67 g; Nhân sâm (<i>Rhizoma et Radix Ginseng</i>) 1,00 g; Phục linh (<i>Poria</i>) 2,67 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 3,33 g; Chích cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae praeparata</i>) 1,67 g.	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai + 1 cốc đong x 30 ml, 60 ml, 90 ml, 100 ml, 125 ml, 250 ml (chai nhựa). Hộp 10 ống, 15 ống, 20 ống, 25 ống, 50 ống x 10 ml (ống nhựa).	VD-33517-19	01

16. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát

(Đ/c: Lô CN-6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, Nay là: Lô CN-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa; phường Chương Mỹ, thành phố Hà Nội)

16.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

(Đ/c: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Nay là: Số 102, phố Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
27	Hoàn thiên vương bổ tâm TP	Mỗi gói 3 g hoàn cứng chứa: Đan sâm (<i>Radix et Rhizoma Salviae miltiorrhizae</i>) 200 mg; Huyền sâm (<i>Radix Scrophulariae</i>) 100 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 200 mg; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 100 mg; Toan táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>) 200 mg; Nhân sâm (<i>Rhizoma et Radix Ginseng</i>) 100 mg; Bá tử nhân (<i>Semen Platycladi orientalis</i>) 200 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 100 mg; Cát cánh (<i>Radix Platycodi grandiflori</i>) 100 mg; Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae chinensis</i>) 200 mg; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 200 mg; Thiên môn đông (<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>) 200 mg; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 800 mg.	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 50 gói x 3 g. Hộp 1 lọ x 60 g.	VD-33786-19	01

17. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm Việt Tiến

(Đ/c: Số 2, phố Ký Con, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Nay là: Số 02 đường Ký Con, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng)

17.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà

(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
28	Eye tonic -VT	Mỗi viên nén bao phim chứa Cao khô hỗn hợp dược liệu 40 mg (tương đương Thực địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 200 mg, Cúc hoa (<i>Chrysanthemi Flos</i>) 50 mg, Câu kỷ tử (<i>Fructus Lycii</i>) 50 mg, Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 100 mg); Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 100 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 75 mg; Bạch linh (<i>Poria</i>) 75 mg; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>) 75 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 50 viên, 60 viên, 80 viên.	VD-33038-19	01

18. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà

(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

18.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà
(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiễn Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
29	Bách khớp thảo	Mỗi viên nén bao phim chứa cao khô hỗn hợp 430 mg tương đương với dược liệu: Hy thiêm (<i>Herba Siegesbeckiae</i>) 6000 mg; Thiên niên kiện (<i>Rhizoma Homalomenae occultae</i>) 300 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 60 viên, 100 viên, 150 viên.	VD-33787-19	01
30	Thanh Phế Thủy	Mỗi 5 ml cao lỏng chứa các chất chiết xuất từ các dược liệu: Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae</i>) 0,45 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis</i>) 0,3 g; Huyền sâm (<i>Radix Scrophulariae</i>) 0,45 g; Bối mẫu (<i>Bulbus Fritillariae</i>) 0,2 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae alba</i>) 0,2 g; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Moutan</i>) 0,2 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,1 g.	Cao lỏng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 90 ml, 100 ml, 120 ml, 125 ml, 150 ml, 250 ml. Hộp 10 ống, 20 ống x 5 ml, 10 ml. Hộp 10 ống, 15 ống x 15 ml, 20 ml.	VD-33790-19	01

19. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát

(Đ/c: Lô CN1-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Nay là: Lô CN1-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội)

19.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát

(Đ/c: Lô CN1-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Nay là: Lô CN1-6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
31	Thập toàn đại bổ Vinaplant	Mỗi 8g hoàn mềm chứa thành phần hoạt chất: Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 0,5 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 0,33 g; Phục	Hoàn mềm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 hoàn mềm x 8 g.	VD-33554-19	01

		linh (<i>Poria</i>) 0,27 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,27 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 0,33 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 0,27 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 0,33 g; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 0,5 g; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 0,5 g; Quế (vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 0,33 g.						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

20. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Nhất Nhất

(Đ/c: Cụm công nghiệp Liên Hưng, Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Nay là: Đường số 3, cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

20.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm Nhất Nhất

(Đ/c: Cụm công nghiệp Liên Hưng, Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Nay là: Đường số 3, cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
32	Giải cảm Nhất Nhất	Mỗi viên nén bao phim chứa cao khô hỗn hợp dược liệu 460 mg tương đương với: Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 230,4 mg; Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) 494 mg; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 329,2 mg; Sinh khương (<i>Rhizoma Zingiberis Recens</i>) 806,4 mg; Tô diệp (<i>Folium Perillae frutescens</i>) 494 mg; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 494 mg; Kinh giới (<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>) 329,2 mg; Mạn kinh tử (<i>Fructus Viticis trifoliatae</i>) 329,2 mg; Tần giao (<i>Radix Gentianae</i>) 329,2 mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 164,4 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên, 100 viên.	VD-33865-19	01



PHỤ LỤC II

DANH MỤC 42 THUỐC CỔ TRUYỀN ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM – ĐỢT 17

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3.45/QĐ-YDCT ngày 13/11/2025)

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

(Đ/c: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương,
Nay là: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thành phố Hồ Chí Minh)

1.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun

(Đ/c: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương,
Nay là: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
1	Bibiso Tab	Mỗi viên nén bao phim chứa Cao khô Actiso (<i>Extractum Cynarae siccum</i>) 50 mg (tương ứng 1,25 g Actiso); Cao khô Rau đắng đất (<i>Extractum Glini oppositifolii siccum</i>) 50 mg (tương ứng 350 mg Rau đắng đất); Cao khô Bìm bìm biếc (<i>Extractum Semen Pharbitidis</i>) 5,25 mg (tương ứng 75 mg Bìm bìm biếc).	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 20 viên.	VD-25196-16	01

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Lâm Đồng (LADOPHAR)

(Đ/c: 18 Ngô Quyền, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Nay là: Số 18, ngô Quyền, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)

2.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Lâm Đồng (LADOPHAR)

(Đ/c: 18 Ngô Quyền, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Nay là: Số 18, ngô Quyền, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
2	Bavegan	Mỗi viên nén bao đường chứa Cao khô lá Actiso (<i>Extractum Cynarae siccum</i>) 80 mg (tương đương lá tươi Actiso 10 g); Cao khô hạt Bìm bìm biếc (<i>Extractum Semen Pharbitidis siccum</i>) 5,3 mg (tương đương hạt Bìm bìm biếc 75 mg);	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 20 viên. Hộp 1 lọ x 60 viên.	VD-22425-15	01

		Cao khô Rau đắng đất (<i>Extractum Glini oppositifolia siccum</i>) 75 mg (tương đương Rau đắng đất 750 mg).						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

3. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Vạn Xuân

(Đ/c: 231 Chiến Lược, Khu phố 18, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: 231 Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, thành phố Hồ Chí Minh)

3.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH Vạn Xuân

(Đ/c: 231 Chiến Lược, Khu phố 18, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: 231 Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
3	V. ui	Mỗi gói cốm 10 g chứa: Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 1 g; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 1 g; Hà thủ ô đỏ (<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>) 1 g; Gạc hươu (<i>Cornu Cervi</i>) 0,4 g; Nhục thung dung (<i>Herba Cistanches</i>) 0,36 g; Ba kích (<i>Radix Morindae officinalis</i>) 0,3 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 0,3 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,3 g; Thỏ ty tử (<i>Semen Cuscutae</i>) 0,3 g; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 0,3 g; Tục đoạn (<i>Radix Dipsaci</i>) 0,3 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 0,2 g; Cá ngựa (<i>Hippocampus</i>) 0,1 g.	Thuốc cốm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 10 g.	VD-0291-06	01

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông

(Đ/c: Lô số 7, đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Lô số 7, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, thành phố Hồ Chí Minh)

4.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông - Chi nhánh 1

(Đ/c: Lô số 68, đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Lô số 68, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
4	Mizho	Mỗi viên nang mềm chứa Cao khô lá Actiso (<i>Extractum Folium Cynarae siccus</i>) 40 mg (tương đương lá Actiso 0,4 g); Cao khô Rau má (<i>Extractum Herba Centellae asiaticae siccus</i>) 300 mg (tương đương Rau má 3,0 g).	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 12 vỉ, 20 vỉ x 5 viên. Chai 100 viên, 200 viên, 500 viên.	VD-29825-18	01
5	KENMAG	Mỗi viên nang mềm chứa: Cao khô Diệp cá (<i>Extractum Herba Houttuyniae cordatae siccus</i>) 75mg (tương đương Diệp cá 0,75 g); Cao khô Rau má (<i>Extractum Herba Centellae asiaticae siccus</i>) 300 mg (tương đương Rau má 3 g).	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 12 vỉ, 20 vỉ x 5 viên. Hộp 1 chai x 100 viên, 200 viên, 500 viên.	VD-25253-16	01

5. Công ty đăng ký: Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương

(Đ/c: Thôn Thắng Dầu, Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội, Nay là: Thôn Thắng Dầu, xã Phú Cát, thành phố Hà Nội)

5.1. Nhà sản xuất: Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương

(Đ/c: Thôn Thắng Dầu, Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội, Nay là: Thôn Thắng Dầu, xã Phú Cát, thành phố Hà Nội)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
6	Mát gan tiêu độc	Mỗi viên hoàn cứng chứa: Cao đặc Actiso (<i>Extractum Cynarae spissum</i>) 100,0 mg tương đương Actiso (<i>Folium Cynarae scolymi</i>) 3,0 g; Cao đặc Rau đắng đất (<i>Extractum Herba Glini oppositifolii</i>) 75,0 mg tương đương Rau đắng đất (<i>Herba glini oppositifolii</i>) 1,125 g; Cao đặc Bìm bìm (<i>Extractum Semen Pharbitidis</i>) 7,5 mg tương đương Hạt Bìm bìm biếc (<i>Semen Pharbitidis</i>) 0,1125 g.	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 36 viên.	V179-H02-19	01

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược ATM

(Đ/c: VP 26, tầng 26 tòa elip, 110 Trần Phú, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Nay là: VP 26, tầng 26 tòa elip, 110 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội)

6.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

(Đ/c: Số 102 Phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Nay là: Số 102, phố Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
7	Boogasick	Mỗi viên nang cứng chứa: Cao đặc Actiso (<i>Extractum Cynarae spissum</i>) 150 mg; Cao đặc Rau đắng đất (<i>Extractum Glini oppositifolii</i>) 100 mg; Bột Bìm bìm biếc (<i>Semen Pharbitidis</i>) 100 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18184-13	01

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm OPC

(Đ/c: 1017 Hồng Bàng, Phường Phú Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh)

7.1. Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC

(Đ/c: Số 09/ĐX04-TH, Tổ 7, Khu phố Tân Hóa, Phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
8	Minh mạng hoàn	Mỗi viên hoàn mềm 5 g chứa: Bột kép 2250 mg (tương đương với Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 500 mg; Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 500 mg; Ba kích (<i>Radix Morindae officinalis</i>) 500 mg; Nhục thung dung (<i>Herba Cistanches</i>) 375 mg; Liên nhục (<i>Semen Nelumbinis nuciferae</i>) 375 mg; Bột mịn nhân sâm (<i>Rhizoma et Radix Ginseng pulverata</i>) 500 mg; Cao đặc quy về khan 647 mg (tương đương với: Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 500 mg; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 500 mg; Câu kỷ tử (<i>Fructus Lycii</i>) 500 mg; Cúc hoa vàng (<i>Flos Chrysanthemi indicis</i>) 500 mg; Hoàng tinh (<i>Rhizoma Polygonati</i>) 375 mg; Dâm dương hoắc (<i>Herba</i>	Viên hoàn mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 hoàn x 5 g.	VD-22953-15	01

		<i>Epimedii</i>) 375 mg; Xà tiền tử (<i>Semen Plantaginis</i>) 375 mg; Xà sàng (<i>Fructus Cnidii</i>) 375 mg; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 375 mg; Táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>) 375 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 375 mg; Đại táo (<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>) 375 mg).						
9	Phì nhĩ đại bổ	Mỗi viên hoàn mềm có chứa: Sơn tra (<i>Fructus Mali</i>) 500 mg; Cóc khô (<i>Bufo siccus</i>) 500 mg; Hạt sen (<i>Semen Nelumbinis nuciferae</i>) 400 mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 400 mg; Ý dĩ (<i>Semen Coicis</i>) 400 mg; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 300 mg; Calci phosphat 100 mg; Kẹo Mạch nha (<i>Maltum</i>) 1 g; Mật ong (<i>Mell</i>) 1,4 g.	Viên hoàn mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 12 viên x 5 g; Hộp 2 vỉ x 10 viên x 5 g.	VD-21324-14	01
10	Dầu Dân tộc	Mỗi 1,5 ml chứa thành phần hoạt chất: Tinh dầu Bạc hà (<i>Aetheroleum Menthae arvensis</i>) 1,22 g; Tinh dầu Quế (<i>Aetheroleum Cinnamomi</i>) 2,5 mg; Tinh dầu Đinh hương (<i>Caryophylli Floris Aetheroleum</i>) 10 mg.	Dầu xoa	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 1,5 ml; 3 ml; 7 ml.	VD-24236-16	01

8. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Nam Dược

(Đ/c: Lô M13 (C4-9), KCN Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Nay là: Lô M13 (C4-9) - Khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình)

8.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH Nam Dược

(Đ/c: Lô M13 (C4-9), KCN Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Nay là: Lô M13 (C4-9) - Khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình)



Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
11	Nam Dược tràng kháng	Mỗi viên nang cứng chứa cao khô 0,43 g tương đương dược liệu 1,81 g; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 0,55 g; Vừng đen (<i>Semen Sesami nigrum</i>) 0,27 g; Đào nhân (<i>Semen Pruni</i>) 0,27 g; Tang diệp (<i>Folium Mori albae</i>) 0,27 g; Thảo quyết minh (<i>Semen Sennae torae</i>) 0,27 g; Bột thô Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 0,05 g; Bột mịn Trần bì	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên.	VD-32734-19	01

		(<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 0,13 g.						
12	Nam Dược hộ tâm đan	Mỗi viên nén bao phim chứa: Cao khô Đan sâm (<i>Extractum Salviae siccus</i>) 80 mg (tương ứng với Đan sâm 1000 mg); Bột mịn Tam thất (<i>Pulvis Radix Panasis notoginseng</i>) 70 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 20 viên nén bao phim. Hộp 1 lọ x 60 viên nén bao phim.	VD-31004-18	01
13	Nam dược dưỡng tâm ích trí	Mỗi viên nén bao phim chứa cao khô dược liệu 0,16 g tương đương dược liệu 0,8 g: Bạch linh (<i>Poria</i>) 240 mg; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 240 mg; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 240 mg; Thạch xương bồ lá to (<i>Rhizoma Acori</i>) 80 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 20 viên.	VD-33932-19	01
14	Thông xoang Nam Dược	Mỗi lọ chứa 12 ml dịch chiết các dược liệu: Tân di hoa (<i>Flos Magnoliae</i>) 4 g; Thương nhĩ tử (<i>Fructus Xanthii strumarii</i>) 4 g; Ngũ sắc (<i>Herba Agerati</i>) 4 g.	Thuốc xịt mũi	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 12 ml, 15 ml, 20 ml, 30 ml.	VD-33106-19	01

9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Reliv

(Đ/c: Khu A, số 18, đường Lê Thị Sọc, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Khu A, số 18, đường Lê Thị Sọc, ấp 2A, xã Phú Hòa Đông, thành phố Hồ Chí Minh)

9.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Reliv

(Đ/c: Khu A, số 18, đường Lê Thị Sọc, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Khu A, số 18, đường Lê Thị Sọc, ấp 2A, xã Phú Hòa Đông, thành phố Hồ Chí Minh)



Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
15	Urimaxi	Mỗi viên nén bao phim chứa Cao khô Kim tiền thảo (<i>Extractum Desmodii styracifolii</i>) 105 mg (tương đương Kim tiền thảo 1500 mg); Cao khô Râu mèo (<i>Extractum Orthosiphonis spiralis</i>) 60 mg (tương đương Râu mèo 600 mg); Cao khô Hạt chuối hột (<i>Extractum Semen Musae balbisianae</i>) 20 mg (tương đương Hạt chuối hột 1000 mg).	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm - nhôm hoặc nhôm - PVC). Hộp 1 chai x 30 viên, 60 viên (chai)	VD-30932-18	01

						nhựa HDPE).		
--	--	--	--	--	--	----------------	--	--

10. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)

(Đ/c: Đường số 5, khu công nghiệp Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Nay là: Đường số 5, khu công nghiệp Hòa Bình, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh)

10.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)

(Đ/c: Đường số 5, khu công nghiệp Hòa Bình, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An, Nay là: Đường số 5, khu công nghiệp Hòa Bình, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
16	Vagirea 6	Mỗi viên nang cứng chứa cao đặc toàn phần 500 mg tương đương 2340 mg dược liệu, bao gồm: Kim anh (<i>Fructus Rosae laevigatae</i>) 270 mg; Táo nhân (<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>) 270 mg; Khiêm thực (<i>Semen Euryales</i>) 270 mg; Phục linh(<i>Poria</i>) 270 mg; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 270 mg; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 270 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 270 mg; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 150 mg; Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae</i>) 150 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 150 mg.	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên nang cứng. Hộp 1 chai x 30 viên, 50 viên, 60 viên.	VD-31251-18	01
17	IRHEMA	Mỗi viên nang cứng chứa cao đặc toàn phần 500 mg tương đương 2160 mg dược liệu, bao gồm: Hà thủ ô đỏ (<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>) 320 mg; Kê huyết đằng (<i>Caulis Spatholobi suberecti</i>) 320 mg; Thiên niên kiện (<i>Rhizoma Homalomenae occulta</i>) 240 mg; Hy thiêm (<i>Herba Siegesbeckiae</i>) 240 mg; Tang chi (<i>Ramulus Mori albae</i>) 240 mg; Hoàng tinh (<i>Rhizoma Polygonati</i>) 160 mg; Tục đoạn (<i>Radix Dipsaci</i>) 160 mg; Câu tích (<i>Rhizoma Cibotii</i>) 160 mg; Nguru tât (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>) 80 mg; Ngũ gia bì gai (<i>Cortex Acanthopanax</i>	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai x 30 viên, 50 viên, 60 viên.	VD-31247-18	01

		<i>trifoliati</i>) 80 mg; Huyết giác (<i>Lignum Dracaenae</i>) 80 mg; Thỏ phục linh (<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>) 80 mg.						
18	Bổ trung ích khí ĐDV	Mỗi viên nang cứng chứa: Cao đặc hỗn hợp dược liệu 297 mg (tương đương 2750 mg dược liệu, bao gồm: Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 750 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 300 mg; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis pilosulae</i>) 300 mg; Sài hồ (<i>Radix Bupleuri</i>) 300 mg; Thăng ma (<i>Rhizoma Cimicifugae</i>) 300 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 300 mg; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae</i>) 300 mg; Cam thảo (<i>Radix Et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 100 mg; Sinh khương (<i>Rhizoma Zingiberis Recens</i>) 100 mg; Bột Hoàng kỳ (<i>Pulvis Astragali membranacei</i>) 250 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai x 30 viên, 50 viên, 60 viên, 100 viên.	VD-33649-19	01

11. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông dược Xuân Quang

(Đ/c: 53/2 quốc lộ 91, khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Nay là: Số 53/2, quốc lộ 91, khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang)

11.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông dược Xuân Quang

(Đ/c: 53/2 quốc lộ 91, khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Nay là: Số 53/2, quốc lộ 91, khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
19	Giải độc gan Xuân Quang	50 g hoàn cứng chứa: Nhân trần (<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>) 8 g; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 6,05 g; Đại hoàng (<i>Rhizoma Rhei</i>) 6,05 g; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 4,68 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 4,68 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 4,68 g; Long đởm (<i>Radix et Rhizoma Gentianae</i>) 3,03 g; Chi tử (<i>Fructus Gardeniae</i>) 3,03 g; Hoàng cầm (<i>Radix Scutellariae</i>)	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 50 g.	V1024-H12-10	01

		3,03 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 1,51 g.						
20	Favim (Bạch đới xuân quang)	Mỗi viên nang cứng chứa cao đặc hỗn hợp dược liệu 183,5 mg tương đương: Ích mẫu (<i>Rhizoma Zingiberis</i>) 750 mg; Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) 560 mg; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 560 mg; Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>) 380 mg; Đại hoàng (<i>Rhizoma Rhei</i>) 380 mg; Đan sâm (<i>Radix et Rhizoma Salviae miltiorrhizae</i>) 380 mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 230 mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 230 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 200 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ 40 viên.	V580-H12-10	01
21	Rhinidol (Viêm xoang Xuân Quang)	Mỗi viên nang cứng chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 315 mg tương đương: Tân di hoa (<i>Magnoliae Officinalis Flos</i>) 1500 mg; Tê tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>) 1500 mg; Bạch chỉ (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 800 mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 500 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 500 mg; Cỏ bản (<i>Ligustici Rhizoma et Radix</i>) 500 mg; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 500 mg; Thăng ma (<i>Rhizoma Cimicifugae</i>) 500 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 40 viên.	V705-H12-10	01
22	Giải độc gan Xuân Quang	Mỗi viên nang cứng chứa: Nhân trần (<i>Herba Adenosomatis caerulei</i>) 1700 mg; Long đởm (<i>Radix et Rhizoma Gentianae</i>) 830 mg; Đại hoàng (<i>Rhizoma Rhei</i>) 830 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 830 mg; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 600 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 600 mg; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 600 mg; Chi tử (<i>Fructus Gardeniae</i>) 420 mg; Hoàng cầm (<i>Radix Scutellariae</i>) 420 mg; Mộc thông (<i>Caulis Clematidis</i>) 420 mg; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 230 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 40 viên.	V582-H12-10	01

23	Giải độc gan Xuân Quang	Mỗi 250 ml cao lỏng chứa: Nhân trần (<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>) 38,4 g; Long đởm (<i>Radix et Rhizoma Gentianae</i>) 19,5 g; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 19,5 g; Đại hoàng (<i>Rhizoma Rhei</i>) 19,5 g; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 13,4 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 13,4 g; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 13,4 g; Chi tử (<i>Fructus Gardeniae</i>) 10,2 g; Hoàng cầm (<i>Radix Scutellariae</i>) 10,2 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 5,9 g.	Cao lỏng	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 250 ml.	V1651-H12-10	01
24	Caltestin (Viêm đại tràng Xuân Quang)	Mỗi viên nang cứng chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 370 mg tương đương với: Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 1500 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 1500 mg; Mạch nha (<i>Fructus Hordei germinatus</i>) 800 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 500 mg; Chỉ xác (<i>Fructus Aurantii</i>) 500 mg; Thanh bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae viride</i>) 500 mg; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 500 mg; Hậu phác (<i>Cortex Magnoliae officinalis</i>) 500 mg; Bạch đậu khấu (<i>Fructus Amomi</i>) 500 mg; Can khương (<i>Rhizoma Zingiberis</i>) 300 mg; Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>) 300 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 40 viên.	V557-H12-10	01
25	Thuốc ho Xuân Quang	Mỗi viên nén bao phim chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 370 mg tương đương: Thiên môn đông (<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>) 1500 mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 900 mg; Từ uyển (<i>Radix et Rhizoma Asteris tatarici</i>) 700 mg; Sa sâm (<i>Radix Glehniae</i>) 700 mg; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonica</i>) 700 mg; Bách bộ (<i>Radix Stemonae tuberosae</i>) 700 mg; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 700 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 500 mg; Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae</i>)	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 40 viên.	V585-H12-10	01

		<i>chinensis</i>) 500 mg; La hán quả (<i>Grosvenor Momordicae Fruit</i>) 500 mg.						
26	Adamfor (Tráng dương bổ thận Xuân Quang)	Mỗi viên nang cứng chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 600 mg tương đương: Thỏ ty tử (<i>Semen Cuscutae</i>) 1200 mg; Viễn chí (<i>Radix Polygalae</i>) 900 mg; Nhục thung dung (<i>Herba Cistanches</i>) 900 mg; Câu kỷ tử (<i>Fructus Lycii</i>) 900 mg; Xuyên tiêu (<i>Fructus Zanthoxyli</i>) 600 mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 600 mg; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae Persimilis</i>) 600 mg; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 600 mg; Nguru tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>) 600 mg; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 600 mg; Địa cốt bì (<i>Cortex Radicis Lycii</i>) 600 mg; Ba kích (<i>Radix Morindae officinalis</i>) 600 mg; Xa tiền tử (<i>Semen Plantaginis</i>) 300 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 300 mg; Thiên môn đông (<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>) 300 mg; Thạch xương bồ (<i>Rhizoma Acori</i>) 300 mg; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 300 mg; Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae chinensis</i>) 300 mg; Ngô thù du (<i>Fructus Evodiae rutaecarpae</i>) 300 mg; Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>) 300 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 300 mg; Bá tử nhân (<i>Semen Platycladi orientalis</i>) 300 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 300 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên. Hộp 1 lọ x 40 viên.	V1554- H12-10	01

12. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Traphaco

(Đ/c: Số 75 phố Yên Ninh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội,
Nay là: Số 75 phố Yên Ninh, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội)

12.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco (Traphaco-CNC)

(Đ/c: Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Nay là: Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
27	Didicera	Mỗi viên nang cứng chứa: Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 0,2 g; Tế tân (<i>Radix et Rhizoma Asari</i>) 0,2 g; Quế chi (<i>Ramulus Cinnamomi</i>) 0,2 g; Độc hoạt (<i>Radix Angelicae pubescentis</i>) 0,3 g; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 0,2 g; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 0,2 g; Tang ký sinh (<i>Herba Loranthe Gracifolii</i>) 0,2 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 0,2 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,2 g; Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 0,2 g; Bạch linh (<i>Poria</i>) 0,2 g; Tần giao (<i>Radix Gentianae</i>) 0,2 g; Ngưu tất (<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>) 0,2 g; Đỗ trọng (<i>Cortex Eucommiae</i>) 0,2 g; Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 0,2 g.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-33794-19	01

13. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3

(Đ/c: Số 16 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Nay là: Số 16 Lê Đại Hành, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng)

13.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3

(Đ/c: Số 28, đường 351, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Nay là: Số 28, đường 351, phường An Dương, thành phố Hải Phòng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
28	Tiêu độc nhuận gan mật TW3	Mỗi 1 ml siro chứa: Actiso (<i>Folium Cynarae scolymi</i>) 77 mg; Nhân trần (<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>) 58 mg; Ké đầu ngựa (<i>Fructus Xanthii strumarii</i>) 58 mg; Kim ngân (cuộng) (<i>Caulis cum folium Lonicerae</i>) 58 mg; Kim tiền thảo (<i>Herba Desmodii styracifolii</i>) 58 mg; Thảo quyết minh (<i>Semen sennae torae</i>) 46 mg; Chi tử (<i>Fructus Gardeniae</i>) 46 mg; Xuyên khung (<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>) 46 mg; Long đóm (<i>Radix et Rhizoma Gentianae</i>) 46 mg.	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 125 ml; 150 ml; 200 ml; 250 ml.	VD-33181-19	01

14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam

(Đ/c: Số 34, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nay là: Số 34, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình)

14.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nam

(Đ/c: Khu công nghiệp Châu Sơn, đường Lê Chân, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Nay là: Khu công nghiệp Châu Sơn, đường Lê Chân, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
29	Mát gan tiêu độc Hanaliver	Mỗi 10 ml siro chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 0,375 g tương đương với dược liệu 3,75 g bao gồm: Nhân trần (<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>) 1,2 g; Bò công anh (<i>Herba Lactucae indicae</i>) 0,8 g; Cúc hoa (<i>Flos Chrysanthemi indicii</i>) 0,4 g; Kim ngân hoa (<i>Flos Lonicerae</i>) 0,4 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,15 g; Actiso (<i>Folium Cynarae scolymi</i>) 0,8 g.	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 125 ml, 150 ml, 200 ml, 250 ml.	VD-31659-19	01
30	Hoàn bổ thận âm	Mỗi 5 g hoàn cứng chứa: Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 0,75 g; Táo nhục (<i>Pericarpium Zizyphus jujubae</i>) 0,45 g; Khiếm thực (<i>Semen Euryales</i>) 0,35 g; Thạch斛 (<i>Herba Dendrobii</i>) 0,3g; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 0,295 g; Tỳ giải (<i>Rhizoma Dioscoreae</i>) 0,25 g.	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 5 g. Hộp 10 gói x 50 g.	VD-31655-19	01
31	Viên sáng mắt	Mỗi viên nang cứng chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 230 mg (tương đương với dược liệu 2300 mg, bao gồm: Bạch tật lê (<i>Fructus Tribuli terrestris</i>) 300 mg; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 200 mg; Sơn thù (<i>Fructus Corni officinalis</i>) 200 mg; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 200 mg; Đương quy (<i>Radix Angelicae sinensis</i>) 200 mg; Câu kỷ tử (<i>Fructus Lycii</i>) 300 mg; Cúc hoa (<i>Flos Chrysanthemi indicii</i>) 300 mg; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 150 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 200 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 200 mg;	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.	VD-31663-19	01

		Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 50 mg); Thạch quyết minh (<i>Concha Haliotidis</i>) 200 mg.						
32	Bổ tỳ trẻ em	Mỗi 80 ml siro chứa Cao đặc hỗn hợp dược liệu 3,42 g (tương đương với: Đảng sâm (<i>Radix Codonopsis</i>) 4,35 g; Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 4,35 g; Ý dĩ (<i>Semen Coicis</i>) 4,35 g; Liên nhục (<i>Semen Nelumbinis nuciferae</i>) 4,35 g; Hoài sơn (<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>) 4,35 g; Sơn tra (<i>Fructus Mali</i>) 2,10 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 3,15 g; Sa nhân (<i>Fructus Amomi</i>) 0,75 g; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 2,10 g; Bạch linh (<i>Poria</i>) 2,85 g; Mạch nha (<i>Fructus Hordei germinatus</i>) 1,50 g).	Siro	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 80 ml, 100 ml, 125 ml, 150 ml.	VD-31652-19	01

15. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

(Đ/c: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Nay là: Số 102, phố Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

15.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

(Đ/c: Số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Nay là: Số 102, phố Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
33	Botecgan	Mỗi viên nén bao đường chứa Cao đặc Actiso (<i>Extractum Cynarae spissum</i>) 100 mg (tương đương không thấp hơn 2,5 mg cynarin); Cao đặc Rau đắng đất (<i>Extractum Glini oppositifolii</i>) 75 mg (tương đương với Rau đắng đất (<i>Herba Glini 75mg oppositifolii</i>) 750 mg); Bột bìm bìm biếc (<i>Semen Pharbitidis</i>) 75 mg.	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ x 20 viên.	VD-32097-19	01

34	Hadugast	Mỗi gói bột 3 g chứa: Bạch cập (<i>Rhizoma Bletillae striatae</i>) 0,5 g (tương đương cao khô Bạch cập 0,041 g); Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 0,5 g (tương đương với cao khô Bạch thược 0,041 g); Bạch truật (<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>) 0,5g (tương đương với cao khô Bạch truật 0,041 g); Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,1 g (tương đương với cao khô Cam thảo 0,0083g); Nhân sâm (<i>Radix et Rhizoma Ginseng</i>) 2,0 g (tương đương với cao khô Nhân sâm 0,164 g); Hoàng liên (<i>Rhizoma Coptidis</i>) 2,0 g (tương đương với cao khô Hoàng liên 0,164 g); Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>) 1,0 g (tương đương với cao khô Mộc hương 0,083 g); Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) 0,5 g (tương đương với cao khô Hương phụ 0,041 g); Ô tặc cốt (<i>Os Sepiae</i>) 2,0 g.	Thuốc bột	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 3 g.	VD-33694-19	01
----	----------	--	-----------	----------	------	-------------------	-------------	----

16. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Tamy

(Đ/c: Nhà liền kề 9 - Khu Tecco, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Nay là: Nhà Liền kề 9 Khu Tecco, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An)

16.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm ME DI SUN

(Đ/c: 521 khu phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Nay là: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
35	Livtamy	Mỗi viên nang mềm chứa: Cao khô Actiso (<i>Extractum Cynarae siccum</i>) 40 mg (tương đương lá tươi 5800 mg); Bột Rau má (<i>Centella asiatica Urb, Apiacaeae</i>) 300 mg.	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 5 viên. Hộp 1 chai x 100 viên	VD-32638-19	01

17. Công ty đăng ký: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long

(Đ/c: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh)

17.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH đông nam dược Bảo Long

(Đ/c: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Nay là: Số 02, đường 430, ấp 1, xã Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
36	Huỳnh Long	Mỗi gói 4 g hoàn cứng chứa: Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>) 0,48 g; Hoàng bá (<i>Cortex Phellodendri</i>) 0,48 g; Ô dược (<i>Radix Linderae</i>) 0,48 g; Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>) 0,44 g; Mai mực (<i>Os Sepiae</i>) 0,44 g; Nghệ (<i>Rhizoma Curcumae longae</i>) 0,40 g; Trần bì (<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>) 0,32 g; Bạch cập (<i>Rhizoma Bletillae striatae</i>) 0,32 g; Cam thảo (<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae</i>) 0,32 g.	Viên hoàn cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói x 4 g.	VD-33217-19	01
37	Mộc long	Mỗi gói 4g hoàn cứng chứa: Nhân trần tía (<i>Herba Adenosmatis bracteosi</i>) 0,4 g; Sài đất (<i>Herba Wedeliae</i>) 0,4 g; Bạch chỉ (rễ) (<i>Radix Angelicae dahuricae</i>) 0,4 g; Ké đầu ngựa (<i>Fructus Xanthii strumarii</i>) 0,4 g; Sài hồ (<i>Radix Bupleuri chinensis</i>) 0,32 g; Kinh giới (<i>Herba Elsholtziae ciliatae</i>) 0,32 g; Kiến cò (<i>Radix Rhinacanthi</i>) 0,32 g; Bạch thược (<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>) 0,32 g; Dành dành (quả) (<i>Fructus Gardeniae</i>) 0,32 g; Phòng phong (<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>) 0,24 g; Đại hoàng (<i>Rhizoma Rhei</i>) 0,24 g.	Viên hoàn cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x 4 g.	VD-33849-19	01

18. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà
(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

18.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà
(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
38	Cốt Bình Nguyên	Mỗi 60 ml cồn thuốc chứa: Riêng (<i>Rhizoma Alpiniae officinari</i>) 3,0 g; Thiên niên kiện (<i>Rhizoma Homalomenae occultae</i>) 3,0 g; Địa liên (<i>Rhizoma Kaempferiae galangae</i>) 3,0 g; Đại hồi (<i>Fructus Illicii veri</i>) 1,8 g; Huyết giác	Cồn thuốc	36 tháng	TCCS	Hộp 1 bình xịt 60 ml.	VD-22318-15	01

		(<i>Lignum Dracaenae</i>) 1,8 g; Ô đầu (<i>Radix Aconiti</i>) 1,2 g; Quế (vỏ thân, vỏ cành) (<i>Cortex Cinnamomi</i>) 1,2 g; Tinh dầu long não (<i>Aetheroleum Cinnamomi camphorae</i>) 1,2 ml.						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

19. Công ty đăng ký: Công ty TNHH thương mại Tân Á Châu

(Đ/c: TT27-01 Khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Nay là: TT27-01 Khu đô thị mới Văn Phú, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội)

19.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần thương mại dược vật tư y tế Khải Hà

(Đ/c: Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 1-2, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Nay là: Số 2A, phố Lý Bôn, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
39	Diacap	Mỗi viên nang cứng chứa Cao khô hỗn hợp 130 mg (tương đương với Sinh địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 400 mg, Mạch môn (<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>) 200 mg, Hoàng kỳ (<i>Radix Astragali membranacei</i>) 200 mg, Câu kỷ tử (<i>Fructus Lycii</i>) 200 mg, Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae</i>) 30 mg, Hoàng liên (<i>Rhizoma Coptidis</i>) 20 mg, Nhân sâm (<i>Radix Ginseng</i>) 20 mg); Thiên hoa phấn (<i>Radix Trichosanthis</i>) 200 mg; Thạch cao (<i>Gypsum fibrosum</i>) 100 mg; Bạch linh (<i>Poria</i>) 34 mg; Mẫu đơn bì (<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>) 30 mg.	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên, 100 viên.	VD-33131-19	01

20. Công ty TNHH dược phẩm Nhất Nhất

(Đ/c: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Nay là: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

20.1. Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm Nhất Nhất

(Đ/c: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Nay là: Cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
-----	-----------	------------------------------	--------------	----------	------------	-------------------	------------	----------------

40	An thần ngủ ngon Nhất Nhất	Mỗi viên nén bao phim chứa: Cao khô hỗn hợp dược liệu 450 mg tương đương: Táo nhân 1200 (<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>) mg; Tâm sen (<i>Embryo Nelumbinis nuciferae</i>) 1200 mg; Thảo quyết minh (<i>Semen Sennae torae</i>) 450 mg; Đẳng tâm thảo (<i>Medulla Junci effusi</i>) 150 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên, 100 viên.	VD- 33078 -19	01
41	Xuân nữ Nhất Nhất	Mỗi viên nén bao phim chứa cao khô hỗn hợp dược liệu 550 mg tương đương với: Mẫu đơn bì (<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae</i>) 99 mg; Hà thủ ô đỏ (<i>Radix Fallopieae multiflorae</i>) 150 mg; Ngũ vị tử (<i>Fructus Schisandrae chinensis</i>) 150 mg; Trạch tả (<i>Rhizoma Alismatis</i>) 150 mg; Địa hoàng (<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>) 150 mg; Huyền sâm (<i>Radix Schrophulariae</i>) 150 mg; Mạch môn (<i>Radix Ophiopogon is japonici</i>) 150 mg; Thục địa (<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>) 150 mg; Câu đằng (<i>Ramulus cum Unco Uncariae</i>) 300 mg; Thù ô đằng (<i>Caulis Fallopieae multiflorae</i>) 300 mg; Phục linh (<i>Poria</i>) 300 mg; Sâm cau (<i>Rhizoma Curculiginis</i>) 300 mg; Từ thạch (<i>Magnetitum</i>) 300 mg; Trân châu mẫu (<i>Concha Margaritifera</i>) 300 mg; Phù tiểu mạch (<i>Fructus Tritici levis</i>) 300 mg.	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 lọ x 30 viên, 60 viên 100 viên.	VD- 33866 -19	01

21. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà

(Đ/c: Số 415, đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Nay là: Số 415 đường Hàn Thuyên, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình)

21.1. Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà

(Đ/c: Lô H10, đường D5, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Nay là: Khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình)

Stt	Tên thuốc	Thành phần chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Hạn dùng	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Số lần gia hạn
42	Tiêu độc Nam Hà	Mỗi 10 ml siro chứa 6ml cao lỏng dược liệu tương đương: Hạ khô thảo (<i>Spica Prunellae</i>) 0,5 g; Kim ngân cuộng (<i>Caulis cum folium Lonicerae</i>) 2,5 g; Sài đất (<i>Herba Wedeliae</i>) 3 g; Thỏ phục linh	Siro thuốc	30 tháng từ NSX, 15 ngày	TCCS	Hộp 20 ống x 10 ml. Hộp 1 lọ x 125 ml, 150 ml.	VD- 34209 -20	01

		(<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>) 0,3 g; Thương nhĩ tử (<i>Fructus Xanthii strumarii</i>) 1 g.		sau mở nắp.				
--	--	---	--	-------------------	--	--	--	--

